

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Triệu Đình Giáp.

- Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên. Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 155/2018/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn TT, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Ma Khánh Th - Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Khánh Th có tìm hiểu nhau một thời gian, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào tháng 02/1991. Tuy nhiên, chị và anh Th không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Nhưng đến khoảng giữa năm 1998 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và

anh Th bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ tháng 02/1999 chị đi vào Miền nam làm ăn, trong thời gian đi làm chị vẫn về nhà, nhưng mỗi lần về nhà vợ chồng anh chị lại xảy ra cãi cọ, xúc phạm nhau. Nay chị T không còn yêu thương anh Th nữa, cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung là Ma Khánh C – Sinh ngày 05/01/1993. Cháu Ma Khánh C đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh Th không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ma Khánh Th trình bày lời khai và các yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Khánh Th và chị Nguyễn Thị T được tìm hiểu nhau một thời gian, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào tháng 02/1991. Tuy nhiên anh và chị T không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thời gian đầu anh và chị T chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 02/1998 giữa anh và chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đến năm 1999, chị T bỏ nhà đi làm ăn xa. Trong thời gian đi làm thỉnh thoảng chị T có về nhà, vợ chồng anh chị có nói chuyện nhưng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung, vợ chồng anh chị vẫn xảy ra cãi cọ, chửi bới nhau. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Ma Khánh C – Sinh ngày 05/01/1993. Cháu Ma Khánh C đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Tòa án đã nhiều lần tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để chị T và anh Th được đoàn tụ, cùng nhau chung sống. Đồng thời thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng anh Ma Khánh Th đều không có mặt, chị T vắng mặt tại phiên họp và hòa giải lần thứ 2, mặc dù đã được giao nhận đầy đủ các Thông báo của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Ma Khánh Th; Về con chung: Con chung của chị T và anh Th là Ma Khánh Cảnh – Sinh ngày 05/01/1993 đã đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, không đề nghị HĐXX phải xem xét giải quyết. Đối với tài sản chung: Chị T và anh Th không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 - Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Khánh Th quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai gia đình và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình chung sống, từ tháng 02/1998 giữa chị T và anh Th nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của nhau, dẫn đến thiếu sự tôn trọng và xúc phạm lẫn nhau, sau đó đến tháng 02/1999 chị T đi làm ăn, thỉnh thoảng về nhà nhưng giữa chị T và anh Th vẫn không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị T không còn quan tâm và yêu thương anh Th nữa. Tại phiên tòa, chị T cương quyết xin được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn với nhau, nay chị T xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương, xác định: Trong quá trình sinh sống tại địa phương từ sau khi tổ chức lễ cưới đến năm 1999, chị T và anh Th thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, sau đó đến năm 1999 chị T đi làm ăn, cứ một thời gian lại về nhưng chị T và anh Th vẫn cãi nhau, không thể hòa hợp.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết. Tuy nhiên theo quy định tại Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc áp

dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được thực hiện như sau:

“.....
b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;”

Sau khi chung sống với nhau, đến khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003, chị T và anh Th không làm thủ tục đăng ký kết hôn, đến nay chị T và anh Th vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do vậy, cần áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Ma Khánh Th là vợ chồng.

Đến thời điểm chị T khởi kiện xin ly hôn với anh Th, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực pháp luật, tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Với những nhận định như trên. Việc chị T và anh Th chung sống với nhau như vợ chồng kể từ tháng 02/1991 đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần tuyên bố chị T và anh Th không phải là vợ chồng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Khánh Th có 01 con chung là Ma Khánh Cảnh – Sinh ngày 05/01/1993. Con chung của chị T và anh Th là Ma Khánh Cảnh đã đủ tuổi trưởng thành, chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị T và anh Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 131; Khoản 1 Điều 9, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Khánh Th không phải là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Khánh Th có 01 con chung là Ma Khánh Cảnh – Sinh ngày 05/01/1993. Cháu Ma Khánh C – Sinh ngày 05/01/1993 đã đủ tuổi trưởng thành. HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Khánh Th không có, không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0018183, ngày 13/7/2018 là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn; Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã PT và xã BT, huyện Đ;
- Các đương sự;
- lưu HS.

Hoàng Văn Giang